

MỘT VÀI ĐỊNH HƯỚNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN NGHỊ LUẬN TỪ ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

Văn bản nghị luận là một trong 6 dạng văn bản trong SGK Ngữ văn THPT. Cũng như các văn bản khác, ngoài mục đích văn chương, văn bản nghị luận với những giá trị đặc trưng riêng đã đem lại cho học sinh những phát triển mà mỗi dạng văn bản tạo ra từ chính giá trị của bản thân tác phẩm. Văn bản nghị luận thuyết phục người đọc, người nghe thông qua hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng và những hình ảnh sinh động gắn với thực tiễn. Về đẹp riêng của văn chương nghị luận vừa cuốn hút hấp dẫn tạo ra dòng chảy tư duy mạch lạc chặt chẽ trước các vấn đề chính trị xã hội và cả đời sống nhân sinh.

Về đẹp của một văn bản nghị luận trước hết ở bộc lộ ở chất trí tuệ của người cầm bút. Bên cạnh đó, về đẹp của văn nghị luận còn nằm ở cách lập luận có sức thuyết phục, bởi văn nghị luận chủ yếu dùng lí lẽ và dẫn chứng để bàn bạc về một vấn đề. Do đó, hệ thống lập luận càng chặt chẽ, sức thuyết phục của bài văn nghị luận càng lớn và hiệu quả giao tiếp càng cao. Ngoài ra, về đẹp của văn nghị luận còn thể hiện ở vẻ đẹp của ngôn từ. Sức truyền cảm của ngôn từ trong văn nghị luận bộc lộ rất phong phú, từ hình ảnh, nhịp điệu, các biện pháp tu từ... của câu văn đến giọng điệu, điểm nhìn... của người viết.

Như vậy, văn bản nghị luận do những đặc trưng riêng của nó, đòi hỏi ở người đọc một cách đọc khác với các tác phẩm nghệ thuật. Cho nên, những văn bản nghị luận trong chương trình THPT thực sự là một thử thách trí tuệ với học sinh. Vậy nên, ở bài viết này, xin đưa ra một vài định hướng cho HS đọc hiểu một văn bản nghị luận đạt hiệu quả.

Về cơ bản văn bản nghị luận là sản phẩm của tư duy lôgic. Những vẻ đẹp của một áng văn nghị luận không chỉ thể hiện ở tư tưởng đúng đắn, sâu sắc, nó còn thể hiện ở hình thức lập luận phong phú, lí lẽ đanh thép, giọng điệu thuyết phục cùng sự cuốn hút bởi lòng nhiệt tình và thái độ của mỗi tác giả trước vấn đề nghị luận. Vì thế, dạy văn bản nghị luận cần chú ý các yêu cầu sau:

1. Nắm được yêu cầu chung của văn bản nghị luận.

- Nội dung: phải nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề; phân tích mặt đúng, sai, mặt lợi, mặt hại của nó; chỉ ra nguyên nhân và bày tỏ thái độ, ý kiến khẳng định của người viết.

- Hình thức: bố cục phải mạch lạc, có luận điểm rõ ràng, lập luận xác thực; phép lập luận phù hợp, lời văn chính xác, sinh động, thuyết phục.

Tuy nhiên, khi dạy học ta không thể chỉ dừng lại ở những điểm chung này. Bởi sức hấp dẫn của mỗi tác phẩm nghị luận nằm ở sự độc đáo trong cách lựa chọn luận điểm, cách triển khai luận điểm, cách lập luận, giọng điệu, ngôn từ... Hay nói cách khác là ở phong cách nghị luận riêng của từng tác giả, tác phẩm. Do vậy, cần triển khai phân tích những bình diện đó để thấy giá trị nội dung và sự hấp dẫn thẩm mỹ riêng của từng tác phẩm.

2. Tìm hiểu các nhân tố giao tiếp xung quanh văn bản nghị luận.

Trước hết, vì vẻ đẹp của văn nghị luận không nằm ở vẻ đẹp xúc cảm, không nhằm tác động chủ yếu vào tâm hồn con người như văn bản nghệ thuật mà nằm ở khả năng thức tỉnh nhận thức của người tiếp nhận, nên tìm hiểu văn nghị luận, là phải tìm hiểu được các nhân tố giao tiếp xung quanh văn bản đó. Phải tìm hiểu kĩ xuất xứ, hoàn

cảnh ra đời của văn bản để hiểu được viết để hướng tới đối tượng nào và nhằm mục đích gì.

Ví dụ: Khi đọc hiểu văn bản “*Chiếu cầu hiền*”, sau khi dẫn dắt vấn đề và ghi tên văn bản lên bảng, giáo viên gọi một học sinh đọc tiêu dẫn. Khi cả lớp đã nghe đọc phần tiêu dẫn, giáo viên ghi mục này lên bảng và nêu câu hỏi:

Phần tiêu dẫn cung cấp những nội dung thông tin nào về tác giả Ngô Thì Nhậm? Những nội dung đó có ý nghĩa như thế nào giúp em tìm hiểu văn bản?

Qua sự chuẩn bị ở nhà, kết hợp với phần tiêu dẫn học sinh sẽ dễ dàng có được những kiến giải ban đầu: Ngô Thì Nhậm xuất thân trong một gia đình có nhiều người đậu đạt và làm quan to ở triều Lê - Trịnh. Dòng họ Ngô ở Tả Thanh Oai là một dòng họ lớn có 15 nhà văn, nhà thơ nổi tiếng đương thời. Bản thân ông là một cự thần của nhà Lê nhưng nay đã ra cộng tác đặc lược với triều Tây Sơn. Trong khi một số trí thức Bắc Hà quay lưng hoặc chống lại tân triều, thậm chí người nhà của ông cũng bất hợp tác với Quang Trung chỉ vì cố chấp với tư tưởng trung quân lỗi thời thì việc Ngô Thì Nhậm bước qua lời nguyện lịch sử -lời nguyện “*trung thân bất sự nhị quân*” của Nho giáo- đã thể hiện một tầm nhìn quảng đại, một thái độ mềm dẻo, linh hoạt trong ứng xử của nhà văn. Từ một văn thần của cự triều nhưng nay được hoàng đế Quang Trung hết mực tin dùng, giao trọng trách lớn, điều đó có sức thuyết phục rất lớn đối với những ai còn hoài nghi tấm lòng thành của đức hoàng đế Quang Trung. Những ai còn mang tư tưởng bảo thủ, cố chấp sẽ dễ tìm thấy được lối giải thoát cho tâm lý mặc cảm vốn sẵn có trong con người nhà nho. Lựa chọn Ngô Thì Nhậm chấp bút soạn tờ *Chiếu cầu hiền*, chứng tỏ Nguyễn Huệ có tầm nhìn xa trông rộng!

Tuy nhiên, để tìm hiểu các nhân tố giao tiếp xung quanh văn bản nghị luận đôi khi không dễ, vì có những văn bản mà đối tượng tiếp nhận của nó không nằm trên bình diện câu chữ. Ví dụ như trường hợp “*Tuyên ngôn độc lập*” của Hồ Chí Minh. Trên bình diện văn bản, Bác viết cho “đồng bào cả nước” và đề “trịnh trọng tuyên bố với thế giới” về quyền độc lập tự do của dân tộc; nhưng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng các nước trong đồng minh đang âm mưu trở lại xâm lược nước ta mới là đối tượng tiếp nhận chủ yếu trong ý thức của người viết bản tuyên ngôn. Chính vì thế, việc viện dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ ở phần mở đầu không chỉ có ý nghĩa tạo cơ sở pháp lý và chính nghĩa cho lời tuyên ngôn, mà còn cảnh báo âm mưu xâm lược của các nước thực dân, đế quốc. Ngoài ý nghĩa tạo tiền đề pháp lý cho cuộc đấu tranh chính trị và ngoại giao, việc viện dẫn hai bản tuyên ngôn này còn khơi dậy trong lòng nhân dân tiến bộ của Pháp và Mỹ tinh thần tôn trọng chính những điều tổ tiên họ đã tuyên ngôn, đồng thời kêu gọi sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên khắp thế giới đối với nền độc lập còn non trẻ của nhân dân ta. Như vậy, trả lời được câu hỏi về đối tượng tiếp nhận và mục đích giao tiếp của văn bản sẽ giúp ta nhận thức được biểu hiện của chất trí tuệ mà người viết gửi vào văn bản với tư cách là một phát ngôn có hiệu quả cao trong giao tiếp.

3. Cần phát hiện được những luận điểm mới mẻ, độc đáo ở mỗi tác phẩm.

Luận điểm là tư tưởng, quan điểm của người viết đối với vấn đề nghị luận trong bài văn. Nó thường được biểu hiện dưới hình thức tiêu đề của bài văn hoặc những câu văn có tính chất khẳng định hay phủ định. Luận điểm phải đúng đắn, sáng tỏ, tập trung, mới mẻ, đáp ứng đòi hỏi của thực tế thì mới có sức thuyết phục người đọc, người nghe.

Thông thường trong một văn bản nghị luận bao giờ cũng có một luận điểm trung tâm. Đồng thời có một hệ thống các luận điểm bộ phận triển khai luận điểm trung tâm theo những cách lập luận cụ thể làm cho bài văn có tính thuyết phục. Như vậy luận điểm là nội dung, còn lập luận là hình thức diễn đạt nội dung ấy.

Ví dụ: Trong *Bình ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, ở đoạn đầu là một tuyên ngôn độc lập, trong đó luận điểm trung tâm là khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc được phát triển thật sâu sắc, hệ thống và toàn diện qua một loạt các luận điểm bộ phận:

- Có nền văn hiến lâu đời.
- Có lãnh thổ riêng, cương vực rõ ràng.
- Có phong tục tập quán (tức bản sắc dân tộc) riêng.
- Có chủ quyền riêng: bao triều đại nối tiếp nhau xây nên độc lập.
- Có truyền thống lịch sử anh hùng “*hào kiệt đời nào cũng có*”.
- Có biết bao chiến công oanh liệt chống giặc ngoại xâm trong trường kỳ lịch sử dân tộc.

Việc phát hiện các luận điểm trong bài văn nghị luận là quan trọng. Nhưng quan trọng hơn là phải phân tích được cách trình bày, triển khai hợp lý các luận điểm đó.

4. Phân tích được các hay, cái đẹp trong nghệ thuật lập luận của tác giả.

Vẻ đẹp của văn nghị luận còn nằm ở cách lập luận có sức thuyết phục. Văn nghị luận chủ yếu dùng lí lẽ và dẫn chứng để bàn bạc về một vấn đề. Do đó, hệ thống lập luận càng chặt chẽ, sức thuyết phục của bài văn càng lớn và hiệu quả giao tiếp càng cao. Như vậy, vẻ đẹp của văn bản nghị luận không chỉ nằm ở nội dung tư tưởng như văn bản nghệ thuật mà nằm ở tính khoa học và chặt chẽ của hệ thống lập luận: từ cách đặt vấn đề, cách triển khai nội dung để giải quyết vấn đề một cách thấu tình đạt lí đến cách thuyết phục người nghe, người đọc.

Vậy nên, trong việc tiếp nhận các văn bản nghị luận, việc tóm tắt các luận điểm cơ bản để thấy tính logic trong lập luận và mạch vận động trong tư duy người viết là thao tác không thể bỏ qua.

Ví dụ: “*Tuyên ngôn độc lập*” là một ví dụ điển hình cho hệ thống lập luận chặt chẽ với lí lẽ đầy sức thuyết phục của Hồ Chí Minh. Phần đầu, Hồ Chí Minh viện dẫn hai bản tuyên ngôn của hai cường quốc nhằm tạo cơ sở pháp lí và chính nghĩa cho bản tuyên ngôn của dân tộc mình. Phần thứ hai nêu cơ sở thực tế với hai mạch nội dung chính là tố cáo tội ác thực dân Pháp và tường thuật quá trình chiến đấu, chiến thắng với lập trường nhân đạo và chính nghĩa của quân và dân ta. Cuối cùng, bản tuyên ngôn khép lại bằng lời tuyên bố khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với quyền tự do, độc lập của dân tộc như một chân lí hiển nhiên. Đó là một hệ thống lập luận thấu tình đạt lí, khó có thể phản biện hay bác bỏ.

5. Phân tích vẻ đẹp ngôn từ của văn bản nghị luận.

Ngoài ra, vẻ đẹp của văn nghị luận còn thể hiện ở vẻ đẹp của ngôn từ. Thuyết phục người đọc bằng lí lẽ, lập luận và những chứng cứ xác đáng, nhưng không có nghĩa là văn nghị luận triệt tiêu những cung bậc xúc cảm của người viết và tính hình tượng của lời văn. Sức truyền cảm của ngôn từ trong văn nghị luận bộc lộ rất phong phú, từ hình ảnh, nhịp điệu, các biện pháp tu từ... của câu văn đến giọng điệu, điểm nhìn... của người viết.

Hệ thống lí lẽ và lập luận sắc sảo, đầy chất trí tuệ trong các văn bản nghị luận không làm mất đi đặc trưng khác của ngôn từ nghệ thuật như tính hình tượng, tính truyền cảm, tính hàm súc... Vậy nên, đọc văn nghị luận người đọc không thể bỏ qua thao tác

nhận diện vẻ đẹp của ngôn từ trên nhiều bình diện, từ hình ảnh, nhịp điệu, giọng điệu đến các biện pháp tu từ nghệ thuật...

Ví dụ: Trong Tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã chọn cách viết: “*Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*” thay vì: “*Chúng đàn áp dã man các cuộc khởi nghĩa của ta*”. Cách nói hình ảnh vừa thể hiện được lòng căm giận trước tội ác tày trời của thực dân Pháp, vừa gợi lại không khí mát mát, đau thương của phong trào cách mạng buổi đầu, đồng thời cũng thấm thía một tình cảm trân trọng, biết ơn đối với những con người yêu nước thương nòi đã hy sinh xương máu của mình cho ngày độc lập.

Lâu nay chúng ta vẫn cho rằng, dạy các văn bản nghị luận là khó và khô khan khó dạy. Nhưng nếu chịu khó tìm hiểu, các tiết dạy văn bản nghị luận trở nên hấp dẫn, và hiệu quả hơn nhiều. Việc đọc hiểu một bài văn nghị luận không chỉ giúp học sinh có được những tri thức về một vấn đề cụ thể được đề cập trực tiếp trong văn bản, mà còn giúp các em vận dụng vào quá trình viết các bài văn nghị luận trong nhà trường, nhất là các bài nghị luận xã hội.